TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 29/8/2018
V/v Xin ly hôn, nuôi con
và chia tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Trương Phước Tự

Ông Lê Thành Tôn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trãi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Nguyễn Tấn Tài, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2018/QĐ–PT ngày 31/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm G, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp A, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Võ Thị G1, Văn phòng luật sư G1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Dương Hữu Thanh P, Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1954, cùng địa chỉ: ấp B, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Chị Lê Thị Cẩm G là nguyên đơn trong vụ án.

(Có mặt: Chị Cẩm G, anh C, ông N1, luật sư Võ Thị G1, luật sư Dương Hữu Thanh P).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Cẩm G và anh Nguyễn Hoàng C chung sống từ năm 2015, không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn hòa hợp, chị G cho rằng mẹ chồng chị nói chị ngoại tình nên ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Chị đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không thành, chị G mang con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2018 đến nay. Nay chị G nhận thấy không còn tình cảm với anh C, vợ chồng không thể hàn gắn được, nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/4/2016 hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: vợ chồng có 10 chỉ vàng 24kr (9,8 tuổi), 10 chỉ vàng 18kr và số tiền 27.000.000 đồng, số vàng 24 kr, 9,5 chỉ vàng 18 kr chị quản lý, anh C quản lý 0,5 chỉ vàng 18 kr (nhẫn). Trong quá trình chung sống ở gia đình anh C số vàng 18kr bị hư hỏng chị phải đổi mới bị lỗ mất 03 chỉ còn lại 5,5 chỉ 18 kr. Số vàng 5,5 chỉ chị sử dụng vào việc nuôi con khi về bên nhà mẹ ruột chỉ còn lại 03 chỉ. Đối với số vàng 10 chỉ 24 kr chị giao cho bà N giữ. Số tiền 27.000.000 đồng chị đưa cho bà N vay 15.000.000 đồng còn lại 12.000.000 đồng sử dụng vào việc nuôi con hiện nay không còn. Khi ly hôn chị G có các yêu cầu sau:

+ Yêu cầu một mình bà N trả 7.500.000 đồng (15.000.000 đồng/2) tiền vay không yêu cầu tính lãi.

+ Yêu cầu bà N trả lại 5 chỉ vàng 24 kr (10 chỉ 24 kr/2) mà bà N giữ trong quá trình chung sống.

Đối với số vàng 03 chỉ 18kr chị đồng ý chia cho anh C 1,5 chỉ.

- Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không ai nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng C trình bày:

- Về hôn nhân: anh C thừa nhận lời trình bày của chị G về thời gian vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay anh C nhận thấy không còn tình cảm với chị G nên đồng ý ly hôn với chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Đăng K, sinh ngày 06/4/2016 hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn anh C đồng ý để chị G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, anh C không cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị G.

- Về tài sản chung: vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k (9,8 tuổi), 10 chỉ vàng 18k là vàng cưới. Trong thời gian chung sống mua thêm 12 chỉ vàng 18kr và tạo được 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) bao gồm tiền bán lúa được 17 triệu đồng, mẹ vợ trả 10 triệu đồng. Tổng cộng vợ chồng có 10 chỉ vàng 24k, 22 chỉ vàng 18k và số tiền 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng) hiện chị G quản lý. Không có việc giao bà N giữ 10 chỉ vàng 24kr, không có việc cho bà N vay 15.000.000 đồng như chị G trình bày. Khi ly hôn anh C yêu cầu yêu cầu sau:

+ Số tiền 27.000.000 đồng anh thống nhất chi tiêu 10.000.000 đồng còn lại 17.000.000 đồng nên chị G phải chia lại cho anh 8.500.000đồng;

+ Số vàng 10 chỉ 18 kr (anh giử 01 chiếc nhẫn 0,5 chỉ) chị G giữ 9,5 chỉ anh thống nhất lỗ 01 chỉ khi đổi vàng còn lại 8,5 chỉ, anh yêu cầu chị G chia cho anh 04 chỉ.

+ Số vàng 10 chỉ 24 kr chị G giữ, anh yêu cầu chị G chia 05 chỉ.

Đối với số vàng 12 chỉ 18 kr mua sắm trong thời kỳ sống chung chị G không thừa nhận nên coi như không có số vàng này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai, cũng không ai nợ.

Tại bản án hôn nhân gia đình số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng của chị Lê Thị Cẩm G;

- Không chấp nhận yêu cầu trả tiền vay 7.500.000 đồng và đòi lại 05 chỉ vàng 24kr của chị Lê Thị Cẩm G đối với bà Nguyễn Thị N;

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Hoàng C;

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Cẩm G với anh Nguyễn Hoàng C.

Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 06/4/2016. Buộc anh Nguyễn Hoàng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng cho đến khi cháu Đăng K đủ 18 tuôi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2018.

Anh Nguyễn Hoàng C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản:

- Chị Lê Thị Cẩm G có nghĩa vụ chia lại cho anh Nguyễn Hoàng C 05 (năm) chỉ vàng 24 kr, 04 (Bốn chỉ) chỉ vàng 18kr và 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn).

- Chị Lê Thị Cẩm G được sở hữu số tài sản gồm: 05 (năm) chỉ vàng 24 kr, 4,5 (Bốn chỉ, năm phân) chỉ vàng 18kr và 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/5/2018, chị Lê Thị Cẩm G là nguyên đơn, kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu được nhận ½ tài sản chung của vợ chồng.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G, trình bày: Đối với 10 chỉ vàng 24kr do anh C yêu cầu chị G đưa cho bà N giữ; Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị G giao lại cho anh C 4 chỉ 18kr không đúng; số tiền 27.000.000 đồng khi chị G về sống với cha mẹ ruột không có mang theo là do chị G cho bà N vay 15.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng sử dụng hết trước khi về cha mẹ ruột sinh sống, khi đi chỉ có mang theo số vàng 18kr nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Cẩm G trình bày: Thống nhất lời trình bày của luật sư bảo vệ cho chị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C, luật sư Dương Hữu Thanh P trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định rất rõ về tài sản chung của chị G và anh C gồm có 10 chỉ vàng 24kr, 10 chỉ vàng 18kr và 27.000.000 đồng, chị G thừa nhận đều do chị giữ, anh C chỉ giữ 0,5 chỉ vàng 18kr (nhẫn cưới); chị G không chứng minh được đã giao cho bà N giữ 10 chỉ vàng 24kr, cho bà N vay 15.000.000 đồng, việc sử dụng 12.000.000 đồng, cũng như việc đổi vàng 18kr bị

hao hụt 03 chỉ là không hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Hoàng C trình bày: Thống nhất lời trình bày của luật sư bảo vệ cho anh và yêu cầu được đến thăm con.

Ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Thống nhất với bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Chị G kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chia cho chị phân nửa tài sản chung của chị với anh C là hoàn toàn không có cơ sở. Bởi lẽ, toàn bộ số vàng và tiền là do chị G trực tiếp giữ, anh C chỉ giữ 0,5 chỉ vàng 18kr. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định phân chia mỗi người được hưởng ½ tài sản phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với những lời khai nại của chị G về 10 chỉ vàng 24kr đã đưa cho bà N giữ, 15.000.000 đồng cho bà N vay, còn lại 12.000.000 đồng sử dung hết, đổi vàng 18kr bị lỗ 03 chỉ, bán 3,5 chỉ để nuôi con nhưng chị G không có chứng cứ để chứng minh, bà N không thừa nhận, anh C chỉ chấp nhận một phần, đối với tiền là 10.000.000 đồng và lỗ 01 chỉ vàng18kr nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm G về việc yêu cầu được nhận ½ tài sản chung của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Chị G và anh C đều xác định tài sản chung của anh, chị gồm: 10 chỉ vàng 24kr, 10 chỉ vàng 18kr (là vàng cưới) và số tiền 27.000.000 đồng tiền bán lúa, sau khi cưới thì số vàng và tiền này do chị G giữ, anh C chỉ giữ 0,5 chỉ vàng 18kr (nhẫn cưới). Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với 10 chỉ vàng 24kr chị G trình bày giao cho mẹ chồng là bà N giữ nhưng chị không có chứng cứ chứng minh bà N giữ giùm, bà N cũng không thừa nhận. Do đó lời trình bày này là không có căn cứ chấp nhận.

- Đối với 10 chỉ vàng 18kr, trong đó chị và anh C mỗi người giữ 0,5 chỉ (nhẫn cưới) còn lại 9 chỉ, bị hư chị đổi lại lỗ 3 chỉ, còn lại 6 chỉ và 0,5 chỉ (nhẫn)

chị đã bán để nuôi con khi chị về sống với cha mẹ ruột hết 3,5 chỉ nên chị đồng ý chị cho anh C 1.5 chỉ. Anh C cũng không thống nhất, anh chỉ đồng ý đỗi vàng bị lỗ 1 chỉ còn lại 9 chỉ, anh và chị mỗi người giữ 0,5 chỉ (nhẫn cưới), còn 8 chỉ chị đang giữ nên chị phải chia lại cho anh C 4 chỉ vàng 18kr là phù hợp.

- Đối với số tiền 27.000.000 đồng, chị G khai cho bà N vay 15.000.000 đồng, còn lại 12.000.000 đồng chị đã sử dụng để nuôi con. Tuy nhiên, chị không có chứng cứ chứng minh cho bà N vay 15.000.000 đồng, bà N cũng không thừa nhận. Anh C chỉ đồng ý tiền nuôi con là 10.000.000 đồng còn lại 17.000.000 đồng chị đang giữ nên chị phải chia lại cho anh C 8.500.000 đồng là phù hợp.

[2] Do chị G không có chứng cứ chứng minh có cho bà N vay tiền và giữ vàng giùm. Do đó số vàng và tiền này do chị giữ nên chị có nghĩa vụ chia lại cho anh C theo quy định pháp luật.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C đã xử có căn cứ nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] luật sư Võ Thị G1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị G đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần tài sản là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[5] luật sư Dương Hữu Thanh P bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị G, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm về phần tài sản là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm G, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Do yêu cầu kháng cáo của chị G không được chấp nhận nên chị G phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Cẩm G.

2. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng của chị Lê Thị Cẩm G;

- Không chấp nhận yêu cầu trả tiền vay 7.500.000 đồng và đòi lại 05 chỉ vàng 24kr của chị Lê Thị Cẩm G đối với bà Nguyễn Thị N;

- Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của anh Nguyễn Hoàng C;

Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Cẩm G với anh Nguyễn Hoàng C.

Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm G được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đăng K sinh ngày 06/4/2016. Buộc anh Nguyễn Hoàng C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Đăng K đủ 18 tuôi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2018.

Anh Nguyễn Hoàng C có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản:

- Chị Lê Thị Cẩm G có nghĩa vụ chia lại cho anh Nguyễn Hoàng C 05 (năm) chỉ vàng 24 kr (9,8 tuổi), 04 (Bốn chỉ) chỉ vàng 18kr và 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chị Lê Thị Cẩm G được sở hữu số tài sản gồm: 05 (năm) chỉ vàng 24 kr (9,8 tuổi), 4,5 (Bốn chỉ, năm phân) chỉ vàng 18kr và 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án đến khi thi hành án xong.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

+ Chị Lê Thị Cẩm G phải chịu án phí sơ thẩm (hôn nhân) là 300.000 đồng, án phí đòi tài sản, án phí vay tài sản là 1.125.000 đồng, án phí chia tài sản chung 1.625.000 đồng; tổng cộng 3.050.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.050.000 đồng theo biên lai số 04277, biên lai số 04278 ngày 13 tháng 3 năm 2018. Sau khi khấu trừ chị Cẩm G còn phải nộp tiếp 2.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Hoàng C phải nộp án phí phân chia tài sản 1.625.000 đồng và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng; tổng cộng 1.925.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.150.000 đồng theo biên lai số 04488 ngày 04 tháng 4 năm 2018. Sau khi khấu trừ anh Hoàng C còn phải nộp tiếp 775.000 đồng.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Lê Thị Cẩm G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0000215 ngày 30/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Hồng Nước